

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 552/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 12 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô tại Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 06/9/2018; Báo cáo thẩm định số 01/BC-HĐTĐ ngày 10/10/2018 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chính sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển

1.1. Quan điểm

Phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Tô trên cơ sở khai thác các tiềm năng, thế mạnh của huyện với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển nguồn nhân lực, giảm nghèo, nhất là tại khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực khó khăn; phát triển đô thị hóa và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện. Phát huy cao nhất nội lực của huyện; tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh, Trung ương; tăng cường thu hút đầu tư và hợp tác từ bên ngoài. Xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ, hệ thống chính trị vững mạnh từ cơ sở, đoàn kết giữa các dân tộc, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh.

1.2. Mục tiêu phát triển:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát: Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý; tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh, nhất là lĩnh vực công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ để sớm đưa thị trấn Đăk Tô trở thành đô thị loại IV vào năm 2025 và phân đầu xây dựng huyện Đăk Tô trở thành thị xã vào năm 2030. Nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của Nhân dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về phát triển kinh tế:

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá trị sản xuất GO, giá cố định 2010) đạt 9,18%/năm giai đoạn 2018-2020, đạt 10,34%/năm giai đoạn 2021-2025 và đạt 11,27%/năm giai đoạn 2026-2030.

- Đến năm 2020, tỷ trọng nông lâm thủy sản trong giá trị sản xuất của huyện còn khoảng 31,21%, công nghiệp, xây dựng đạt 47,33% và khu vực dịch vụ 21,46%. Đến năm 2025, tỷ trọng nông lâm thủy sản 28,14%, công nghiệp, xây dựng 48,76% và khu vực dịch vụ 23,10%. Đến năm 2030, tỷ trọng nông lâm thủy sản còn 27,04%, công nghiệp, xây dựng 49,17% và khu vực dịch vụ là 23,79%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 33 triệu đồng, bằng 60%; năm 2025 khoảng 57 triệu đồng, bằng 72%; năm 2030 khoảng 84 triệu đồng, bằng 83% so thu nhập bình quân đầu người của tỉnh.

b) Về phát triển xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện xuống còn 1,8%/năm giai đoạn 2018-2020, khoảng 1,5-1,6% giai đoạn 2021-2030. Đến năm 2020, dân số toàn huyện đạt 49.000 người, đến năm 2025 đạt khoảng 55.000 người và đến năm 2030 đạt khoảng 61.000 người

- Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, nâng tỷ lệ đô thị hóa của huyện lên 34,0% năm 2020, khoảng 49,67% năm 2025 và khoảng 53,13% năm 2030.

- Phân đầu đến năm 2020 có 50%, đến năm 2025 có 75% và năm 2030 có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Duy trì tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt trên 99%, phân đầu tỷ lệ hộ sử dụng nước

hợp vệ sinh đạt trên 99% vào năm 2020.

- Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm xuống dưới 17%, đến năm 2025 dưới 12% và đến năm 2030 dưới 7%.

- Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm khoảng 700-800 lao động; Phần đầu tư tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt khoảng 55%, năm 2025 khoảng 65% và năm 2030 khoảng 70%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 2-2,5%/năm theo chuẩn hộ nghèo tiếp cận đa chiều, đưa tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% vào năm 2020, còn 7-8% vào năm 2030.

- Duy trì sĩ số học sinh và tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục, nhất là chất lượng giáo dục đối với học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Có trên 75% số trường học đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2020, 85% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế huyện đến cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu. Phần đầu tư đến năm 2020 có 100% trạm y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; 9 bác sĩ/vận dân vào năm 2020, 10 bác sĩ/vận dân vào năm 2025 và 11 bác sĩ/vận dân vào năm 2030. Đến năm 2020 số giường bệnh/vận dân đạt 31 giường, đến năm 2025 đạt 36 giường và đến năm 2030 đạt 41 giường (*không tính giường bệnh trạm y tế xã*).

- Phần đầu tư đến năm 2020 khoảng 90%, năm 2025 khoảng 95% và năm 2030 có trên 95% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; đến năm 2020 khoảng 90%, năm 2025 khoảng 95% và năm 2030 có trên 95% số thôn, làng, khu phố đạt tiêu chuẩn thôn, làng, khu phố văn hoá.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Thu gom và xử lý trên 98% chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, 100% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt khoảng 70% vào năm 2020, khoảng 90% vào năm 2025 và trên 99% vào năm 2030.

- Trên 70% nghĩa trang, nghĩa địa được xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới.

d) Về quốc phòng, an ninh:

- Duy trì 100% số xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn.

- Hằng năm phần đầu giảm số vụ vi phạm, số người chết, bị thương do tai nạn giao thông, số vụ vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng. Các vụ vi phạm khác đều được phát hiện, xử lý kịp thời.

2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu

2.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp Đăk Tô cả về lượng

và chất đê đến năm 2030 trở thành nông nghiệp hàng hóa có quy mô lớn, tập trung, có tính cạnh tranh cao, hiệu quả và bền vững.

a) Nông nghiệp:

- Phát triển trồng trọt: Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng công nghệ cao. Nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, tính trên 01 ha đất canh tác đạt bình quân trên 100 triệu đồng vào năm 2020, trên 150 triệu đồng vào năm 2025 và trên 200 triệu đồng vào năm 2030.

+ Lúa nước: Ổn định diện tích lúa nước hiện có, giảm diện tích lúa l vụ và đất nương rẫy. Dự kiến diện tích gieo trồng lúa 1.350 ha (trong đó, lúa Đông Xuân 530 ha, lúa mùa 820 ha).

+ Ngô: Chú trọng phát triển cây ngô (nhất là giống ngô lai). Dự kiến đến 2020 diện tích trồng ngô đạt khoảng 120 ha, đến 2025 đạt khoảng 150 ha và đến năm 2030 đạt khoảng 170 ha.

+ Sắn: Dự kiến giảm diện tích sắn xuống còn 6.000 ha vào năm 2020 và ổn định 5.500 ha vào năm 2025, đảm bảo cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

+ Cây cà phê: Diện tích cà phê đến năm 2020 là 2.200 ha (diện tích cho sản phẩm 1.920 ha), năm 2025 ổn định là 2.500 ha (diện tích cho sản phẩm 2.300 ha).

+ Cây cao su: Tăng cường thâm canh, tái canh vườn cao su, hình thành vùng cao su tập trung tại các xã: Pô Kô, Diên Bình, Tân Cảnh và Kon Đào. Diện tích cao su khoảng 8.400 ha vào năm 2020, giảm còn khoảng 8.000 ha vào năm 2025 và ổn định khoảng 7.500 ha vào năm 2030.

+ Cây bời lời: Thâm canh, tăng năng suất, ổn định diện tích bời lời trồng tập trung khoảng 1.000 ha vào năm 2030.

+ Rau, đậu các loại: Chú trọng trồng rau, đậu theo công nghệ VGAP, đáp ứng yêu cầu thị trường. Dự kiến phát triển khoảng 400 ha, bố trí diện tích trồng tập trung tại thị trấn Đắk Tô, các xã: Diên Bình, Đắk Trăm.

+ Cây ăn quả: Dự kiến diện tích 260 ha, bố trí diện tích trồng tập trung tại thị trấn Đắk Tô, các xã: Diên Bình, Ngọc Tụ, Đắk Trăm.

- Phát triển chăn nuôi: Chuyển mạnh các phương thức chăn nuôi truyền thống tận dụng quảng canh sang chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại.

+ Đàn trâu: Quy mô đàn đến 2020 khoảng 3.000 con, đến năm 2025 ổn định khoảng 3.500 con.

+ Đàn bò: Dự kiến đến 2020 tổng đàn bò đạt khoảng 5.000 con, đến năm 2025 khoảng 6.000 con và đến 2030 đạt 7.000 con.

- Đàn lợn: Dự kiến đến 2020 tổng đàn lợn sẽ đạt khoảng 15.000 con, đến năm 2025 khoảng 30.000 con và đến 2030 đạt 50.000 con.

b) Lâm nghiệp: Phân đầu độ che phủ rừng tập trung lên khoảng 32% năm 2020, khoảng 35% năm 2025 và khoảng 38% vào năm 2030. Phát triển khoảng 3.600 ha rừng phòng hộ, khoảng 15.700 ha rừng sản xuất. Giai đoạn 2018-2030

trồng mới khoảng 1.200 ha rừng phòng hộ (*Bình quân 100 ha/năm*) và khoảng 2.500 ha rừng sản xuất (*Bình quân 200 ha/năm*).

c) *Thủy sản*: Phát huy có hiệu quả tiềm năng mặt nước ao hồ cho phát triển thủy sản, trong đó trọng tâm là tài nguyên mặt nước hồ chứa lớn thủy điện, thủy lợi. Chú trọng phát triển nuôi trồng các loài, giống mới, các loại thủy sản thích nghi với điều kiện sản xuất của các xã, thị trấn, có giá trị kinh tế cao gắn với hình thành các vùng sản xuất thủy sản thâm canh.

2.2. Công nghiệp: Phân đầu công nghiệp của huyện trở thành ngành kinh tế tạo ra các sản phẩm chủ lực, thúc đẩy kinh tế-xã hội huyện phát triển.

- Công nghiệp chế biến nông lâm sản: Đầu tư nâng cấp nhà máy chế biến mủ cao su Kon Đào; thu hút đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm tinh chế từ mủ cao su tại Cụm công nghiệp (CCN) phía Tây thị trấn; nhà máy chế biến nguyên liệu thức ăn gia súc tại CCN phía Tây thị trấn; đầu tư hoàn thiện khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại thị trấn Đăk Tô; phối hợp tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng nhà máy giấy và bột giấy Tân Mai tại Khu công nghiệp Đăk Tô; cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, ván công nghiệp tại CCN phía Tây thị trấn; duy trì, đầu tư chiều sâu các cơ sở sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ từ gỗ.

- Chế biến dược liệu: Thu hút đầu tư nhà máy chế biến dược liệu (sâm Ngọc Linh, hồng đẳng sâm, sâm đương quy,...) với quy mô 50 tấn nguyên liệu tươi/năm nhằm khai thác nguồn nguyên liệu dược liệu có giá trị cao của 02 huyện Tu Mơ Rông và Đăk Glei.

- Công nghiệp cơ khí - điện tử - chế biến nhựa: Thu hút đầu tư nâng cấp các cơ sở sửa chữa phương tiện giao thông; cơ sở sản xuất, sửa chữa máy nông nghiệp, cơ khí và thiết bị cơ điện tại thị trấn Đăk Tô; phát triển 1-2 trạm cơ khí sửa chữa, sản xuất nông cụ cầm tay tại trung tâm cụm xã Đăk Trăm, các điểm dân cư tập trung; nhà máy sản xuất bao bì theo hình thức PPP tại CCN phía Tây thị trấn.

- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản: Kêu gọi nhà đầu tư tiềm năng đầu tư nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai Đăk Tô tại CCN phía Tây thị trấn, công suất 1,5 triệu lít/năm; thu hút, kêu gọi đầu tư nhà máy gạch không nung tại CCN phía Tây thị trấn, công suất 20 triệu viên/năm.

- Phát triển và phân bố khu công nghiệp (KCN), CCN và TTCN: Dự kiến ổn định 01 KCN và 02 CCN, gồm KCN Đăk Tô, CCN dịch vụ 24/4 và CCN phía Tây thị trấn (*trong đó, chú trọng mở rộng CCN phía Tây thị trấn giai đoạn 2 gắn với nhà máy tinh bột sắn, Éthanol*). Tại mỗi xã, mỗi trung tâm cụm xã xây dựng 1-2 cụm TTCN (*Theo chương trình xây dựng nông thôn mới*) để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn sang hình thức kết hợp phát triển nông nghiệp và phi nông nghiệp.

2.3. Thương mại, dịch vụ

- Thương mại: Xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị ở thị trấn có điều kiện giao lưu hàng hóa thuận lợi và các cửa hàng bán lẻ hiện đại ở thị trấn, các xã. Hoàn thành cơ bản chương trình phát triển chợ dân sinh ở khu vực nông thôn như chợ Đăk Trăm, Kon Đào... Chú trọng phát triển các chợ nông thôn liên xã, các điểm thu mua nông sản (điểm dịch vụ nông nghiệp); đại lý mua bán, ký gửi.

- Du lịch và các sản phẩm du lịch chủ yếu: Tiếp tục đầu tư cải tạo khu di tích lịch sử địa điểm chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh, khu chiến tích Kon Hring, Diên Bình. Thu hút kêu gọi đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng suối nước khoáng Kon Đào gắn với thác Đăk Lung, khu vực rừng thông phía đông thị trấn Đăk Tô. Phát triển du lịch cộng đồng tại làng văn hoá truyền thống dân tộc Xê Đăng, làng Tê Pên, xã Văn Lem. Đầu tư xây dựng mới hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch như khách sạn, nhà hàng. Khai thác các tuyến du lịch kết nối thành phố Kon Tum, Đăk Tô và các khu vực lân cận.

- Các dịch vụ khác: Phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất và dịch vụ khác như: vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.. phục vụ cá nhân và cộng đồng.

2.4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chủ yếu

- Giao thông: Đầu tư tuyến cao tốc Bờ Y, Ngọc Hồi - Pleiku, cải tạo, nâng cấp, xây mới đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 40B qua huyện Đăk Tô; ưu tiên đầu tư các đường trục, đường vành đai thị trấn Đăk Tô, cải tạo, nâng cấp đường huyện DH.51, tu sửa, nâng cấp các đường xã, thôn và xây dựng bến xe khách huyện Đăk Tô đạt quy mô loại 2 sau năm 2025.

- Thủy lợi: Tập trung tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn huyện, hạn chế đầu tư mới. Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình kè trên địa bàn thị trấn Đăk Tô, gồm: kè sông Đăk Tô Kan khu vực khối 3, khối 4; kè cầu Sập khối 3; suối Hồ Sen khối 5.

- Điện: Cải tạo, xây mới các lưới trung thế, hạ thế và các trạm biến áp tập trung tại các xã Tân Cảnh, Văn Lem, Kon Đào, Đăk Rơ Nga và Đăk Trăm. Cải tạo lưới điện thị trấn Đăk Tô, xây dựng và lắp đặt hệ thống đèn đường đảm bảo ánh sáng đô thị, bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị. Chú trọng đầu tư trạm biến áp và lưới điện khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch. Thu hút đầu tư nhà máy điện mặt trời tại Tân Cảnh.

- Cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Đầu tư mới nhà máy nước Đăk Tô giai đoạn 1 với công suất khoảng 7.000m³/ngày đêm để đảm bảo cấp nước cho khu vực nội thị, một phần cho các xã ngoại thị và khu, cụm công nghiệp và giai đoạn 2 nâng tổng công suất lên khoảng 10.000m³/ngày đêm. Chú trọng các chương trình cung cấp nước hợp vệ sinh cho nông thôn; nâng cao chất lượng nước sinh hoạt dân cư đạt các tiêu chuẩn quy định.

+ Thoát nước: Đến năm 2030 đô thị của huyện có 80% cống theo đường và các điểm dân cư tập trung đều xây dựng hệ thống thoát nước mưa.

2.5. Phát triển nguồn lực và các lĩnh vực xã hội

- Phát triển nguồn nhân lực và việc làm: Dự kiến đến năm 2020 nguồn lao động của huyện có khoảng 29.000 người, năm 2025 khoảng 32.000 người và năm 2030 khoảng 36.000 người. Lao động cần bố trí việc làm vào năm 2020 khoảng 2.400 người, năm 2025 khoảng 3.600 người và năm 2030 khoảng 4.200 người.

- Bố trí sắp xếp dân cư và tăng dân số cơ học:

+ **Bố trí sắp xếp dân cư:** Từ nay đến năm 2025, ổn định tại chỗ cho 25 hộ/75 khẩu, xen ghép 70 hộ/275 khẩu, xây dựng 2 điểm dân cư mới để bố trí cho 113 hộ/433 khẩu; quy hoạch 13,4 ha đất khu dân cư và 183 ha đất sản xuất.

+ **Dân số cơ học:** Thu hút dân cư đến huyện làm ăn, sinh sống ổn định lâu dài, giai đoạn 2018-2020 khoảng 80 hộ khoảng 320 khẩu, giai đoạn 2021-2025 khoảng 250 hộ với 1.000 khẩu và giai đoạn 2025-2030 khoảng 400 hộ với 1.600 khẩu. Tập trung chủ yếu thị trấn Đăk Tô, các xã: Tân Cảnh, Diên Bình, Pô Kô và Kon Đào.

- **Phát triển giáo dục - đào tạo:**

+ **Giáo dục mầm non:** Huy động trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ đạt 60% năm 2030; huy động số trẻ 3- 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt trên 99% năm 2025. Phấn đấu đến năm 2030 đạt 95% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

+ **Giáo dục phổ thông:** Tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị cho bậc tiểu học. Phấn đấu đến năm 2025 đạt 100% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục THCS, đến năm 2030 đạt 85% trường THCS đạt chuẩn quốc gia. Duy trì 100% số trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

+ **Đào tạo:** Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đa dạng hoá các loại hình đào tạo, mở rộng liên kết đào tạo nghề giữa huyện với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh và ngoài tỉnh.

- **Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe:** Hệ thống y tế được hoàn thiện, hiện đại; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc. Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Tiếp tục nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Đăk Tô, cả về quy mô và trang thiết bị. Thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- **Phát triển văn hóa, thể thao và du lịch:**

+ **Văn hóa:** Triển khai có kết quả công tác bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; ưu tiên bảo tồn phát huy các giá trị truyền thống, các di tích đã xếp hạng trên địa bàn huyện gắn với phát triển du lịch như: Di tích lịch sử địa điểm chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh, chứng tích nhà thờ Kon Hring - Diên Bình. Duy trì và phát triển các lễ hội (lịch sử, tôn giáo, theo tín ngưỡng dân tộc, phong tục), các loại hình nghệ thuật.

+ **Thể thao:** Phấn đấu người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 40% dân số vào năm 2030; Gia đình thể thao đạt trên 30% tổng số hộ gia đình vào năm 2030.

+ **Phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa:** Đến năm 2030, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- **Công tác giảm nghèo và giảm chênh lệch mức sống dân cư:** Thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo của huyện từ 2-2,5%/năm (riêng hộ nghèo dân tộc thiểu số 4-5%/năm) theo chuẩn hộ nghèo

tiếp cận đa chiều, đến năm 2020 số hộ nghèo còn dưới 10% và còn 7-8% vào năm 2025.

3. Khoa học, công nghệ: Từng bước áp dụng công nghệ mới, hiện đại vào sản xuất ở một số lĩnh vực: chế biến nông sản, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng (áp dụng sản xuất gạch không nung), chế biến dược liệu... Đẩy mạnh nghiên cứu, hợp tác, chuyên gia và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, trong đó chú trọng các khâu: chọn tạo giống, kỹ thuật canh tác, chăm sóc, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo các yêu cầu tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc gia, khu vực và thế giới như tiêu chuẩn VietGAP,...

4. Bảo vệ môi trường

- Bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho người dân trên cơ sở tăng cường, cải thiện các dịch vụ cấp nước sạch và vệ sinh môi trường; nâng cao nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường, vệ sinh cộng đồng và vệ sinh cá nhân. Giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn theo hướng phát triển bền vững, văn minh, xanh, sạch đẹp.

- Chủ động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và giám sát khí hậu; đẩy nhanh tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trồng rừng kinh tế.

5. Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với quốc phòng, an ninh: Đảm bảo giữa vững quốc phòng, an ninh, ổn định về trật tự, an toàn xã hội, chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; củng cố, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện vững mạnh, hoạt động có hiệu quả. Duy trì 100% số xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

6. Tổ chức không gian phát triển

6.1. Định hướng địa giới hành chính: Đến năm 2030, mở rộng thị trấn Đắk Tô; thành lập các phường trên cơ sở thị trấn và các xã để đảm bảo tiêu chí thành lập thị xã.

6.2. Phát triển đô thị

- Đô thị hóa: Dự kiến huyện sẽ có 01 đô thị loại IV (thị trấn huyện lỵ Đắk Tô) và các điểm dân cư tập trung (Trung tâm xã Đắk Trăm, Kon Đào, Tân Cảnh, Diên Bình và Ngọc Tụ) có tính chất đô thị. Dân số đô thị là 32.412 người; tỷ lệ đô thị hóa 53,13%.

- Phát triển mạng lưới đô thị: Lập đề án mở rộng, nâng cấp thị trấn Đắk Tô lên đô thị loại IV vào năm 2025. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị, ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông đô thị, điện công lộ, thoát nước,... cấp thiết phục vụ nhân dân. Giai đoạn 2021-2025, lập đề án thành lập thị xã vào năm 2030. Tiếp tục đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng đô thị.

6.3. Phát triển nông thôn

Phân đầu các xã đạt chuẩn nông thôn mới qua các giai đoạn: Từ nay đến năm 2020 có thêm 2 xã (xã Kon Đào và Ngọc Tụ); giai đoạn 2021-2025 đạt 2 xã (xã Đăk Trăm và Pô Kô); giai đoạn 2026-2030 đạt 2 xã (xã Văn Lem và Đăk Rơ Nga).

6.4. Phát triển các khu, vùng kinh tế

- Khu, cụm, điểm công nghiệp và vùng sản xuất tập trung:

+ Khu công nghiệp Đăk Tô (diện tích 150 ha). Dự kiến sau 2020 sẽ đầu tư hoàn chỉnh và đưa vào khai thác nhà máy bột giấy và giấy Tân Mai - Kon Tum.

+ Cụm công nghiệp và dịch vụ 24/4 (diện tích 25 ha): Định hướng phát triển chính là các ngành tiểu thủ công nghiệp: Cơ khí, lắp ráp, sửa chữa, thủ công mỹ nghệ, đan lát, kinh doanh dịch vụ,...

+ Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đăk Tô: Diện tích là 50 ha, mở rộng (giai đoạn 2) khoảng 100 ha gắn với khu vực nhà máy tinh bột sắn Đăk Tô. Định hướng chính là công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (tấm lợp, cán tôn, sắt thép; bê tông đúc sẵn ...), chế biến nông sản (tinh bột sắn,...), thu hút nhiều lao động.

+ Phát triển vùng cao su tập trung tại xã Tân Cảnh, Diên Bình, Kon Đào và Pô Kô.

+ Hình thành khu vực chuyên canh rau tại xã Diên Bình và thị trấn Đăk Tô.

+ Phát triển khu vực nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Plei Krông.

- Nông nghiệp công nghệ cao: Triển khai Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 64/2016/QĐ-UBND ngày 19/08/2016. Trước mắt, lập Quy hoạch phân khu chức năng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu vực phía Bắc (xã Văn Lem và Đăk Trăm). Với mục tiêu là phát triển cây cà phê, trồng cỏ - chăn nuôi bò thịt, gia cầm.

- Các khu, điểm du lịch:

+ Du lịch sinh thái: Gồm khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Kon Đào gắn với thác Đăk Lung (Văn Lem), khu sinh thái rừng thông thị trấn Đăk Tô.

+ Du lịch nhân văn: Gồm khu di tích lịch sử địa điểm chiến thắng Đăk Tô-Tân Cảnh, khu chứng tích nhà thờ Kon Hring (Diên Bình) và điểm du lịch cộng đồng làng văn hoá dân tộc Xê Đăng (nhánh Xê Teng).

7. Các đề án phát triển, dự án ưu tiên đầu tư: Chi tiết tại danh mục kèm theo.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động vốn đầu tư

- Đối với nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước: Bao gồm, ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

- Đối với nguồn ngân sách Trung ương: Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh và các đơn vị chức năng của các Bộ ngành Trung ương để triển khai các công trình trọng điểm đầu tư trên địa bàn như tuyến cao tốc Ngọc Hồi – Plei Ku, trục đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 2), tuyến Quốc lộ 40B. Tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ

của Trung ương đầu tư các công trình như hạ tầng đô thị, hạ tầng cụm công nghiệp, các trục giao thông chính kết nối với các huyện lân cận.

+ Đối với nguồn ngân sách địa phương: Tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ quỹ đất thông qua việc mở rộng, chỉnh trang, phát triển đô thị, phát triển các điểm dân cư tập trung để tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tăng cường thu hút đầu tư, nuôi dưỡng nguồn thu để tăng thu ngân sách; quản lý, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư từ các chương trình, dự án, nguồn vốn do Trung ương, tỉnh hỗ trợ cho huyện. Thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa về lĩnh vực văn hóa, xã hội thông qua các chính sách khuyến khích hỗ trợ cụ thể từng lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao và môi trường. Thực hiện tốt chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm đối với việc đầu tư hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi nhỏ, kiên cố hóa kênh mương, đường hẻm, vỉa hè ở thị trấn, ...

- Vốn tín dụng: Triển khai việc hỗ trợ tín dụng cho các dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, nhất là các dự án ngành công nghiệp ưu tiên, thương mại, xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý chất thải cho công nghiệp, bảo vệ môi trường khu, cụm công nghiệp; hỗ trợ tín dụng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng và hướng đến xuất khẩu. Ưu tiên các dự án có quy mô lớn, các dự án đổi mới công nghệ chế biến nông, lâm nghiệp, dự án phát triển năng lượng sạch.

- Vốn dân cư và các doanh nghiệp: Chú trọng công tác huy động vốn từ dân cư và các doanh nghiệp thông qua công tác vận động, xúc tiến đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để tạo điều kiện thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp có lợi thế của huyện. Động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại; đầu tư phát triển các cơ sở chế biến nông, lâm sản, khôi phục các nghề truyền thống địa phương.

- Huy động vốn ODA và đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP): Nghiên cứu, thúc đẩy triển khai các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT... để đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ quỹ đất và các nguồn tài nguyên khác trên địa bàn huyện. Chủ động đề xuất danh mục dự án vận động nguồn vốn ODA cho từng giai đoạn, đồng thời làm tốt công tác chuẩn bị dự án và tiếp cận với các tổ chức được Chính phủ cho phép triển khai hoạt động trên địa bàn tỉnh để vận động, kêu gọi đầu tư.

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá để nâng cao trình độ dân trí.

- Tăng cường sắp xếp, công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị từ huyện đến xã; phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, hỗ trợ đào tạo khởi nghiệp... Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người lao động được đào tạo lại, học nghề mới, tự tìm kiếm việc làm thông qua các chương trình, chính sách của Nhà nước, đồng thời

đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của huyện.

- Khuyến khích, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo nghề nhân công lao động.

- Tổ chức tốt các hình thức xúc tiến, hỗ trợ và giới thiệu việc làm. Tạo mở các ngành nghề mới, nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tập trung thực hiện có hiệu quả một số cơ chế, chính sách của Trung ương trên địa bàn huyện Đăk Tô, như chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới; các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chương trình, đề án của tỉnh, như: chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển vùng trồng dược liệu tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến trên địa bàn tỉnh; Chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiêu điện; Đề án cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ...

4. Giải pháp thị trường và liên kết vùng

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; đầu tư xây dựng siêu thị trung tâm huyện, phát triển hệ thống chợ các xã, các điểm thu mua nông sản.

- Liên kết với các công ty du lịch trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là các công ty lữ hành để phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

- Tạo điều kiện phát triển các hình thức hợp tác, hợp tác giữa các doanh nghiệp, các hộ sản xuất, giữa nhà nông và các cơ sở sản xuất, chế biến.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành cập nhật được thông tin thị trường, nâng cao chất lượng công tác dự báo hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạch định chính sách phát triển thị trường, thu hút các dự án đầu tư để khai thác các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế mà các nhà đầu tư đang quan tâm.

- Phối hợp tốt với các địa phương và các ngành trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị, như phối hợp xây dựng các tuyến giao thông, hệ thống thủy lợi, cấp nước và xử lý rác thải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Tô đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm và các danh mục công trình trên địa bàn huyện Đăk Tô. Trên cơ sở khả năng vốn ngân sách cân đối hàng năm, 5 năm, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm 5 năm, xác định danh mục công trình theo thứ tự ưu tiên; đồng thời tìm các giải pháp nhằm huy động tối đa các nguồn lực khác để phát triển kinh tế - xã hội nhằm đạt được mục tiêu quy hoạch đề ra.

2. Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn xem xét, huy động nguồn lực để đầu tư phát triển ngành trên địa bàn huyện Đắk Tô; tổ chức triển khai các chương trình, dự án do Sở, ban ngành quản lý thực hiện trên địa bàn huyện.

Điều 3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP (KTTH);
- Báo Kon Tum, Đài PTTH tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH4

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa



DANH MỤC
CÁC ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số: 552/QĐ-UBND ngày: /11/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Danh mục các đề án phát triển

- Đề án nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện, thủy lợi.
- Đề án phát triển kinh tế trang trại, tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp.
- Đề án phát triển du lịch cộng đồng.
- Đề án nâng cấp thị trấn Đăk Tô lên đô thị loại IV vào năm 2025.
- Đề án thành lập thị xã vào năm 2030.
- Đề án phát triển thị tứ và các điểm dân cư tập trung trên địa bàn huyện.

2. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a) Các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước:

- Tuyến đường huyện ĐH.51, các đường trục, đường vành đai thị trấn Đăk Tô, đường giao thông nông thôn (trục thôn xóm, trục đường sản xuất).
- Tu sửa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện.
- Đầu tư hệ thống điện công lộ thị trấn Đăk Tô.
- Đầu tư hệ thống và trạm xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng nghĩa trang huyện Đăk Tô.
- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật CCN phía Tây thị trấn.
- Tu bổ khu di tích lịch sử địa điểm chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh.
- Đầu tư nâng cấp khu chứng tích Kon Hring - Diên Bình.
- Nâng cấp trường Dân tộc nội trú huyện Đăk Tô.
- Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Đăk Tô lên 150 giường bệnh vào năm 2025 và 250 giường bệnh vào năm 2030.
- Nâng cấp, mở rộng trường học các cấp tại các xã, thị trấn (Ưu tiên dự án kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học các xã).
- Xây dựng, chỉnh trang trụ sở Ủy ban nhân dân các xã để đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Nhà văn hóa, sân thể thao các xã, thị trấn.

b) Các dự án ưu tiên đầu tư từ chương trình, dự án kêu gọi ODA, NGO,...

- Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước các tuyến đường thị trấn.
- Cải tạo, nâng cấp đường nội thị trấn Đăk Tô.
- Nâng cấp, mở rộng trạm y tế các xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.
- Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung thị trấn Đăk Tô.

- Đầu tư kè bờ sông Đăk Tờ Kan (khối 3, khối 4), kè suối cầu sập (khối 3); kè suối Hồ sen khối 5 thị trấn Đăk Tô.

c) Các dự án đầu tư sẽ huy động từ các nguồn vốn khác (vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, vốn FDI):

- Đầu tư mới nhà máy nước huyện Đăk Tô.
- Nhà máy điện mặt trời tại xã Tân Cảnh.
- Bến xe huyện Đăk Tô.
- Siêu thị huyện Đăk Tô.
- Dây nhà phố kinh doanh kết hợp với ở tại chợ Đăk Tô.
- Chợ và điểm dịch vụ nông sản các xã.
- Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, tắm bùn khu nước khoáng Kon Đào – Thác Đăk Lung.
- Khu du lịch sinh thái rừng thông Đăk Tô.
- Nhà máy nước khoáng Đăk Tô CCN phía Tây thị trấn.
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc CCN phía Tây thị trấn.
- Nhà máy gạch không nung CCN phía Tây thị trấn.
- Nhà máy sản xuất phân bón sinh học CCN phía Tây thị trấn.
- Sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ từ đồ gỗ, các sản phẩm từ nghề truyền thống CCN phía Tây thị trấn.
- Cơ sở sản xuất, sửa chữa máy nông nghiệp, cơ khí, thiết bị điện CCN-DV 24/4 và CCN phía Tây thị trấn.
- Dự án phát triển giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện Đăk Tô.
- Dự án trồng rau chuyên canh Diên Bình và thị trấn Đăk Tô.
- Dự án nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Plei Krông.
- Dự án chăn nuôi tập trung, bán công nghiệp (lợn, gà) kết hợp với chăn nuôi động vật hoang dã (heo rừng, dúi, nhím,...).
- Dự án chăn nuôi lợn gia công tập trung Đăk Tô.
- Dự án đầu tư khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đăk Tô.
- Nhà máy chế biến dược liệu (Sâm Ngọc Linh, Hồng Đăng Sâm, Sâm Dương Quy...).
- Thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp phía Tây Đăk Tô.
- Các dự án phát triển điểm dân cư tập trung tại thị trấn Đăk Tô, Diên Bình, Tân Cảnh, Kon Đào và Đăk Trăm.

** Ghi chú: Về vị trí, quy mô cụ thể, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các đề án, dự án nêu trên được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt chủ trương đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ. / Q*